

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HSST

Ngày: 11-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Nghiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyến: Nghề nghiệp - Giáo viên

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 514/2021/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2021/QĐXXST-HS ngày 27/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hà D, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2003, nơi sinh: tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Đăng ký Hộ khẩu thường trú: xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: không; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà: Hà Thị Bích P, sinh năm 1981; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021 (có mặt).

2. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2002; nơi sinh: tỉnh An Giang; Giới tính: Nam; Đăng ký Hộ khẩu thường trú: thị trấn Ốc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; Chỗ ở: phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: làm thuê; con ông: Nguyễn Văn A, sinh năm 1963 và bà: Lê Thị H, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; Tiền án: Không; Tiền sự: ngày 28/11/2020, bị Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thành phố Thủ Đức ra Quyết định số 368/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn áp dụng 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ 08/01/2021 đến ngày 16/8/2021 được chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hà D:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Hà Thị Bích P, sinh năm 1981; Địa chỉ: xã Thanh Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (là bố, mẹ của bị cáo; ông H, bà P có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hà D và bị cáo Nguyễn Văn Q:* ông Trần Minh Huệ, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bị hại:

- Anh Hồ Hữu L, sinh ngày 05/01/2003.

Địa chỉ: phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Hồ Hữu L: ông Hồ Cao Sang H, sinh năm 1978 và bà Đào Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn K, sinh năm 2000.

Địa chỉ: phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Dương Chí T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 09/4/2002.

Địa chỉ: xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/01/2021, sau khi nhậu với bạn là Nguyễn Văn C tại phòng trọ của Công ở phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, do thiếu tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn Q đã gọi điện rủ Nguyễn Hà D đi cướp tài sản và được D đồng ý. Lúc này, Trần Vũ L đang ngồi chơi với D nên D rủ L cùng đi cướp tài sản và L đồng ý. L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo màu đỏ đen, biển số 59X1-354.17 chở D đến vòng xoay Phú Hữu gặp Q. Sau khi gặp Q, L điều khiển xe chở D ngồi giữa, Q ngồi sau cùng, đi tìm những cặp tình nhân đang tâm sự ở chỗ vắng nhằm thực hiện hành vi cướp tài sản. Khi đi đến đường vào khu Đông Tăng Long, Q đưa cho D 01 con dao tự chế dài khoảng 30 cm (loại lưỡi dao Thái lan dài 15 cm, cán nhựa màu đen dài khoảng 15 cm) mà Q đã lấy trước đó ở phòng trọ của Công, còn Q giữ một cây gậy ba khúc cất trong túi quần để khi phát hiện cặp tình nhân thì Q và D sẽ trực tiếp xuống lấy tài sản, còn L ngồi trên xe chờ và canh giới.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, cả 03 đi đến đường D16, khu dân cư Đông Tăng Long, khu phố Phước Lai, phường Trường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, phát hiện anh Hồ Hữu L và chị Nguyễn Thị H đang đậu xe trên lề đường nói chuyện với nhau, L vòng xe quay lại nơi anh L và chị H đứng cách khoảng 3-4m, Q và D bước xuống xe tiến lại gần nơi anh L và chị H. Lúc này, D cầm 01 con dao để vào bên hông trái của anh L nói “cho em xin tiền và điện thoại anh chị ơi”. Lúc này, Q không lấy cây ba khúc ra mà chỉ đứng bên cạnh D. Bị uy hiếp, anh L đưa cho D 01 điện thoại di động hiệu ASUS ROG phone 2 màu đen và ví tiền lấy từ túi quần. D lục ví tiền của anh L lấy 400.000 đồng. Chị H lấy từ trong túi áo khoác ra 01 điện thoại di động hiệu Vsmart bị nứt màn hình màu xanh và số tiền 100.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, cả ba lên xe máy chạy về phòng trọ của Công (lúc này Công đã đi ngủ), tại phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, Q cho L 100.000 đồng tiền công, sau đó L điều khiển xe đi về nhà.

Tiếp đó, Q điều khiển xe mô tô Dream, biển số 52L6-9201 của Q chở D mang theo 02 điện thoại di động vừa cướp được đến tiệm cầm đồ Hải Tin địa chỉ: 436 Nguyễn D Trinh, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của anh Hoàng Văn K. Do điện thoại hiệu Vsmart bị vỡ màn hình nên anh Khải không cầm. Riêng điện thoại di động hiệu ASUS ROG phone 2 màu đen, anh Khải đồng ý cầm với số tiền 3.000.000 đồng. Trên đường về đến cầu Ông Nhiêu, Q chia cho D 1.700.000 đồng, còn Q giữ điện thoại Vsmart để sử dụng và số tiền 1.700.000 đồng. Sau đó, Q điều khiển xe chở D đi đến tiệm cầm đồ 88 thuộc phường Long Trường, thành phố Thủ Đức dùng số tiền 500.000 đồng để chuộc lại điện thoại di động của Q đã cầm trước đó.

Sau khi bị cướp tài sản, chị H kể lại sự việc cho anh ruột là Nguyễn Văn T. Anh T đã gọi điện cho “Ba Quân” (chưa rõ lai lịch) nhờ tìm lại tài sản cho em gái. Vì vậy, khi Q và D vừa về đến phòng trọ của Q thì T (chưa rõ lai lịch) là người quen của “Ba Quân” gọi điện cho D, yêu cầu D mang tài sản vừa cướp được ra chân cầu vượt Phú Hữu trả cho anh “Ba Quân”. Do sợ bị T đánh nên Q đưa điện thoại Vsmart và 1.200.000 đồng cho D, kêu D điều khiển xe mô tô của mình mang tài sản đến điểm hẹn trả cho T. Khi đến nơi hẹn, thì D thấy T, B Q, P (chưa rõ lai lịch) cùng anh L, Anh T đang đứng chờ tại đây. Do vào buổi tối tiệm cầm đồ đóng cửa, không chuộc lại được điện thoại nên D trả cho anh L tài sản gồm: 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Vsmart bị vỡ màn hình và 01 giấy cầm đồ để anh L tự đi chuộc về. Tiếp đó, T yêu cầu D trả lại số tiền mà D và Q cướp của anh L là 1.300.000 đồng, D nói chỉ cướp của anh L và chị H 500.000 đồng chứ không phải là 1.300.000 đồng.

Do T không tin nên D dẫn T cùng P đến gặp Q tại khu vực bãi xe container gần cầu Ông Nhiêu để nói chuyện. Khi gặp Q, P dùng tay đánh liên tiếp vào mặt Q, T can

ngăn P ra và yêu cầu Q trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho T, Q không đồng ý vì chỉ cướp của anh L và chị H số tiền 500.000 đồng. Lúc này Q đang cầm điện thoại trên tay nên T dùng tay giật điện thoại của Q và yêu cầu ngày hôm sau Q phải trả 1.300.000 đồng, khi đó T sẽ trả lại điện thoại di động cho Q. Sáng ngày 04/01/2021, Q đưa số tiền 1.300.000 đồng đến cho T và nhận lại điện thoại di động của Q về, sau đó D và Q về quê.

Đến ngày 06/01/2021, D biết hành vi cướp tài sản đã bị người khác phát hiện nên đã đến Công an thành phố Thủ Đức để đầu thú. Sau đó, lần lượt ngày 07 và 08/01/2021, Trần Vũ L và Nguyễn Văn Q đã đến Công an thành phố Thủ Đức đầu thú.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 225-2021/KL-HĐĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Vsmart joy 2 có giá trị còn lại là 870.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Asus ROG phone 2 có giá trị còn lại là 7.950.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Trần Vũ L, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Hà D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua làm việc với anh Hồ Hữu L, anh L cho biết bị Trần Vũ L, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Hà D cướp 01 điện thoại và số tiền 1.500.000 đồng. Tuy nhiên, D và Q chỉ thừa nhận cướp của anh L số tiền 400.000 đồng và 01 điện thoại, của chị H 100.000 đồng và 01 điện thoại, còn L đứng ngoài cảnh giới nên không biết D và Q cướp được bao nhiêu. Anh L cho biết số tiền trên là tiền để dành, không nhớ rõ bao nhiêu; ngoài lời khai, anh L không có chứng cứ chứng minh về nguồn gốc số tiền 1.500.000 đồng do đó, không có căn cứ xử lý đối với số tiền 1.500.000 đồng bị chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Q đã cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra giấy ra viện do Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 cấp. Do đó, ngày 15/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Đức đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần số 13 đối với Nguyễn Văn Q. Căn cứ Kết luận giám định số 345/KLGD ngày 19/4/2021 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

“- Về y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 03/01/2021 cho đến hiện tại, Đối tượng có Sử dụng gây hại ma túy nhóm chất kích thích/Động kinh (F15.1/G40-ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 03/01/2021 cho đến hiện tại, Đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

Đối với các đối tượng T, Phúc, “Ba Quân”; Các bị cáo D, Q khai không rõ nhân thân, lai lịch, số điện thoại của T gọi cho D, D không còn nhớ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức tiếp tục điều tra truy xét, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã mời Anh T lên làm việc, Anh T khai: sau khi nghe em gái (tên Hậu) về kể lại việc đã bị cướp tài sản, Anh T đã gọi điện thoại cho người bạn quen biết ngoài xã hội tên là “Ba Quân” nhờ tìm lại tài sản. “Ba Quân” có nhân thân lại lịch như nào thì Anh T không biết, số điện thoại của “Ba Quân” Anh T không còn lưu vì máy điện thoại đã cũ hay bị tắt nguồn nên Anh T đã bỏ không còn sử dụng.

Đối với anh Hoàng Văn K khi cầm điện thoại của Q và D, anh Khải không biết đây là tài sản do Q, D phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Khải.

Vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59X1-354.17, số khung S20Y-006459, số máy 22S2-006459 do Trần Vũ L sử dụng làm phương tiện để cướp tài sản. Qua xác minh, xe mô tô trên do anh Dương Chí T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, anh Thanh cho biết đã bán xe trên cho chị Trần Thị Ly (chị ruột của Trần Vũ L) với giá 2.000.000 đồng, do là người quen nên việc mua bán không có giấy tờ, không thực hiện sang tên đổi chủ. Chị Ly cho biết đã làm mất giấy đăng ký xe và chưa làm lại được. Ngày 03/01/2021, L mượn xe đi công việc, chị Ly đồng ý nên không biết việc L sử dụng xe mô tô trên để đi cướp tài sản;

+ 01 áo khoác màu đỏ đen, sau lưng áo có dòng chữ “PRE” thu giữ của Nguyễn Hà D;

+ 01 điện thoại di động Sam sung J5, màn hình bị nứt thu giữ của Nguyễn Hà D;

- Đối với 01 xe mô tô Dream, biển số 52L6-9201. Qua xác minh, chủ sở hữu xe mô tô trên là anh Nguyễn Mạnh H. Qua làm việc với anh Hùng, được biết anh Hùng là cháu của bà Lê Thị H (mẹ ruột của Nguyễn Văn Q), do thấy vợ chồng bà Hồng không có xe nên anh Hùng cho bà Hồng mượn xe làm phương tiện đi lại. Ngày 03/01/2021, Q mượn xe để sang nhà bạn chơi và bà Hồng đồng ý. Bà Hồng và anh Hùng không biết việc Q sử dụng xe mô tô trên đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Sau đó, do mua được xe mới nên bà Hồng đã trả lại xe mô tô trên cho anh Hùng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không thu giữ đối với xe mô tô trên.

- Đối với cây dũa ba khúc và con dao dùng để cướp tài sản, Q và D khai nhận sau khi thực hiện hành vi cướp tài sản, cả hai đã đã vứt ở dọc đường (BL: 97-99, 105-108). Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Đức không thu giữ được cây dũa ba khúc và con dao trên.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Q dùng để liên lạc rủ D đi cướp tài sản). Q cho biết điện thoại của Q đã cầm ở tiệm nên Q không có điện thoại để liên lạc vì vậy Q đã mượn điện thoại hiệu Nokia màu đen của bà Hồng (mẹ của Q) để sử dụng. Bà Hồng cho biết sau khi về nhà, Q đã đưa lại điện thoại cho mình nhưng sau đó điện thoại bị rơi hư hỏng không sử dụng được. Bà Hồng không biết việc Q sử dụng điện thoại của bà để rủ D đi cướp tài sản vào ngày 03/01/2021. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Đức không thu giữ đối với điện thoại trên.

Về trách nhiệm dân sự: anh Hồ Hữu L và chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu bồi thường.

Ngày 21/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản cáo trạng số 208/CTr-VKSTPTĐ truy tố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D, Trần Vũ L về Tội Cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngày 12/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã ban hành Quyết định đình chỉ số 01/2021/HSST-QĐ đối với bị cáo Trần Vũ L, do bị cáo chết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (theo thông báo về việc Người bị tạm giam chết số 431/TB-CQQLTGTG ngày 08/10/2021 của Công an thành phố Thủ Đức).

Ngày 27/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 325/VKSTPTĐ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức trả lại hồ sơ vụ án để xem xét đánh giá chứng cứ nhằm đảm bảo để việc truy tố các bị can đúng quy định pháp luật.

Ngày 28/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã có Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung số 403/2021/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức.

Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, ngày 29/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Cáo trạng số 405/CTr-VKSTPTĐ truy tố Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D về Tội Cướp tài sản theo điểm d Khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Quý và bị cáo D như Bản cáo trạng số 405/CTr-VKSTPTĐ ngày 29/11/2021 và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Hà D phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hà D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm o Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Đề nghị xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59X1-354.17, số khung S20Y-006459, số máy 22S2-006459 là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Ly, chị Ly không biết việc L mượn xe để sử dụng vào việc phạm tội nên giao trả cho chị Ly xe trên; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung J5, màn hình bị nứt; Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đỏ đen, sau lưng áo có dòng chữ “PRE” của Nguyễn Hà D

- Các bị cáo Quý, D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận. Trong lời nói cuối cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hà D, Nguyễn Văn Q trình bày: thống nhất với tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo Q và D. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: các bị cáo đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo Nguyễn Hà D mới hơn 17 tuổi, trình độ văn hóa thấp và nhận thức về pháp luật còn hạn chế, hành vi phạm tội của các bị cáo là nhất thời, nông nổi; bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có ông nội, bà nội là người có công với Cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến; cả hai bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình các bị cáo là lao động nghèo, cha mẹ bận lao động nên các bị cáo thiếu đi sự chăm sóc, giáo dục của gia đình; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 91 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hà D trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bào chữa và không bổ sung thêm nội dung gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và khung hình phạt: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hà D, Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại; Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú lập ngày 06, 07, 08/01/2021 tại Công an (Quận 9 cũ), nay là thành phố Thủ Đức; Kết luận định giá tài sản ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân (Quận 9 cũ), nay là thành phố Thủ Đức cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào tối ngày 03/01/2021 bị cáo Nguyễn Văn Q đã rủ rê Nguyễn Hà D và cùng Trần Vũ L (đã chết) sử dụng hung khí nguy hiểm là con dao tự chế dài khoảng 30 cm (loại lưỡi dao Thái lan dài 15cm, cán nhựa màu đen dài 15cm) đe dọa anh Hồ Hữu L, chị Nguyễn Thị H nhằm làm cho rơi vào tình trạng không thể chống cự để chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart joy 2 có giá trị còn lại là 870.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Asus ROG phone 2 có giá trị còn lại là 7.950.000 đồng, tại đường D16, khu dân cư Đông Tăng Long, khu phố Phước Lai, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 03/01/2021. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đã dùng dao khống chế làm cho anh L và chị H hoảng loạn lâm vào tình trạng không thể chống cự được để lấy tài sản là tiền và điện thoại của anh L và chị H. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của anh Hậu và chị Lộc. Các bị cáo là người đã có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết việc dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng các bị cáo vì mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà vẫn thực hiện nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Bản cáo trạng số 405/CTr-VKSTPTĐ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đối với hành vi phạm tội theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là từ 7 đến 15 năm tù. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào vai trò của từng bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[3]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo Quý và bị cáo D là đồng phạm gián đơn cả hai được L (đã chết) chở đi tìm mục tiêu để cướp tài sản, khi phát hiện mục tiêu L (đã chết) đứng xa cảnh giới, Q và D xuống cướp; trong đó D là người trực tiếp thực hiện hành vi đe dọa và lấy tài sản của bị hại. Tài sản lấy được, cả hai

đem đi cầm và bị cáo Quý trực tiếp chia tiền cho D để tiêu xài do đó, cả hai bị cáo đều cùng nhau thực hiện tội phạm và cùng hưởng lợi ích vật chất như nhau nên cả hai bị cáo đều có vai trò, trách nhiệm như nhau.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Văn Q tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người đã thành niên, chủ động gọi điện thoại rủ bị cáo Nguyễn Hà D chưa thành niên cùng đi cướp tài sản. Hành vi rủ bị cáo D đi cướp của bị cáo Quý đã đủ yếu tố cấu thành tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Bản cáo trạng và Bản luận tội của vị đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo Quý là có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Hà D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Bản cáo trạng và bản luận tội, Đại diện viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và người phạm tội đầu thú theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “người phạm tội đầu thú” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi thực hiện hành vi cướp tài sản của anh L và chị H, cả hai bị cáo đã giao trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho người bị hại; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đã khai báo thành khẩn không gian dối điều gì, nhận tội, có thái độ ăn năn hối lỗi; Sau khi biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện, cả 02 bị cáo đã ra đầu thú nên cả 02 bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ này là có căn cứ chấp nhận.

[4.3]. Về mức hình phạt:

Tại phiên tòa, trong bản luận tội Đại diện viện kiểm sát đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hà D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định. Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Hà D chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo ngoài xem xét bị cáo có ông, bà nội là người có công với Cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo không những để đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội mà thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên, chưa tròn 18 tuổi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử đã quyết định xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định và thấp hơn đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm

sát nhân dân thành phố Thủ Đức và cũng như đề nghị của Người bào chữa là có phần phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Quý, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Quý về nhân thân không có tiền án, có 01 tiền sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo là người đã thành niên, chủ động rủ rê người khác cùng phạm tội, có sự chuẩn bị và cung cấp công cụ gây án, tích cực trong việc phân chia tài sản chiếm đoạt được nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo không những để đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội mà thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đã quyết định xem xét xử phạt bị cáo thấp hơn đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức. Như đã phân tích ở trên với lời đề nghị của Người bào chữa là không phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện của bị hại vắng mặt nhưng tại Cơ quan Điều tra và trong quá trình chuẩn bị xét xử anh Hồ Hữu L và người đại diện hợp pháp cho bị hại Hồ Hữu L là ông Hồ Cao Sang H, bà Đào Thị Lợi có đơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường, xin xét xử vắng mặt và từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề ngày 07/01/2021; ngày 23/12/2021 và ngày 30/12/2021. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nộp cho Tòa án đề ngày 23/12/2021. Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét, giải quyết.

[6]. Đối với vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô Dream, biển số 52L6-9201. Qua xác minh, chủ sở hữu xe mô tô trên là anh Nguyễn Mạnh H. Qua làm việc với anh Hùng, được biết anh Hùng là cháu của bà Lê Thị H (mẹ ruột của Nguyễn Văn Q), do thấy vợ chồng bà Hồng không có xe nên anh Hùng cho bà Hồng mượn xe làm phương tiện đi lại. Ngày 03/01/2021, Q mượn xe để sang nhà bạn chơi và bà Hồng đồng ý. Bà Hồng và anh Hùng không biết việc Q sử dụng xe mô tô trên đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Sau đó, do mua được xe mới nên bà Hồng đã trả lại xe mô tô trên cho anh Hùng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không thu giữ đối với xe mô tô trên là có cơ sở, Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Q dùng để liên lạc rủ D đi cướp tài sản). Q cho biết điện thoại của Q đã cầm ở tiệm nên Q không có điện thoại để liên lạc vì vậy Q đã mượn điện thoại hiệu Nokia màu đen của bà Hồng (mẹ của Q) để sử dụng. Bà Hồng cho biết sau khi về nhà, Q đã đưa lại điện thoại cho mình nhưng sau đó điện thoại bị rơi hư hỏng không sử dụng được. Bà Hồng không biết việc Q sử dụng điện thoại của bà để rủ D đi cướp tài sản vào ngày 03/01/2021. Do đó, Cơ quan cảnh sát Điều tra, Công an thành phố Thủ Đức không thu giữ đối với điện thoại trên là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59X1-354.17, số khung S20Y-006459, số máy 22S2-006459 do Trần Vũ L sử dụng làm phương tiện để cướp tài sản. Qua xác minh, xe mô tô trên do anh Dương Chí T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, anh Thanh

cho biết đã bán xe trên cho chị Trần Thị Ly (chị ruột của Trần Vũ L) với giá 2.000.000 đồng, do là người quen nên việc mua bán không có giấy tờ, không thực hiện sang tên đổi chủ. Chị Ly cho biết đã làm mất giấy đăng ký xe và chưa làm lại được. Ngày 03/01/2021, L mượn xe đi công việc và chị Ly đồng ý nên không biết việc L sử dụng xe mô tô trên để đi cướp tài sản, việc L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội là ngoài ý muốn của chị Ly. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự giao trả lại xe trên cho chị Ly.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đỏ đen, sau lưng áo có dòng chữ “PRE” thu giữ của bị cáo D.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung J5, màn hình bị nứt của Nguyễn Hà D là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc, tiếp nhận ý chí rủ đi cướp tài sản của bị cáo Quý.

Đối với anh Hoàng Văn K khi cầm điện thoại của Q và D, anh Khải không biết đây là tài sản do Q, D phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Khải là đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức tiếp tục điều tra truy xét đối với các đối tượng T, Phúc, “Ba Quân”, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D phạm Tội Cướp tài sản.

1.1. Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2021 đến ngày 16/8/2021

1.2. Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Nguyễn Hà D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2021.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung J5, màn hình bị nứt; tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác màu đỏ đen, sau lưng áo có dòng chữ “PRE”.

- Giao trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 59X1-354.17, số khung S20Y-006459, số máy 22S2-006459 cho chị Trần Thị L.

(Tài sản giao trả, tịch thu sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy được ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 42 ngày 08/3/2021 của Công an thành phố Thủ Đức).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hà D phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo D, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án. Những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Viết Nghiêm

Nơi nhận :

- Tòa án NDTP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Viết Nghiêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Viết Nghiêm

